

Số: /2026/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Quy định định mức số lượng người làm việc trong cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, dự bị đại học

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 279/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;

Căn cứ Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về vị trí việc làm viên chức;

Căn cứ Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 299/2026/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày... tháng năm 2026 của Chính phủ về quản lý, sử dụng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ về cơ cấu, số lượng và một số chính sách đối với hiệu trưởng, giám đốc, phó hiệu trưởng, phó giám đốc, nhân sự hỗ trợ giáo dục khi thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định định mức số lượng người làm việc trong cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, dự bị đại học.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về định mức số lượng người làm việc trong cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, dự bị đại học.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non công lập (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục mầm non); trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, trường trung học phổ thông chuyên, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông nội trú, trường, Trường Hữu nghị 80, Trường Hữu nghị T78, Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc, trường, lớp dành cho người khuyết tật công lập, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục phổ thông); trường dự bị đại học.

2. Thông tư này áp dụng đối với:

a) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; tổ trưởng, phó tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ văn phòng, tổ giáo dục đặc thù (nếu có); trưởng phòng, phó trưởng phòng chức năng (sau đây gọi chung là cán bộ quản lý cơ sở giáo dục);

b) Giáo viên;

c) Kế toán, văn thư, thủ quỹ, giáo vụ, tư vấn học sinh, hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, thư viện viên, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thiết bị, thí nghiệm, y tế trường học, cấp dưỡng trong cơ sở giáo dục, quản lý học sinh, hỗ trợ tổ chức hoạt động giáo dục, bảo vệ, phục vụ (sau đây gọi chung là nhân sự hỗ trợ giáo dục).

3. Các cơ sở giáo dục được vận dụng định mức số lượng người làm việc đối với cấp học tương ứng tại Thông tư này để thực hiện, bao gồm:

a) Các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục;

b) Các cơ sở giáo dục khác (áp dụng với các lớp dạy chương trình giáo dục mầm non, phổ thông).

4. Trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên

a) Các vị trí trưởng phòng, phó trưởng phòng chức năng và tương đương thực hiện theo định mức số lượng người làm việc quy định đối với trường dự bị đại học theo quy định tại Thông tư này cho đến khi có quy định khác của cơ quan có thẩm quyền;

b) Các vị trí việc làm khác thực hiện theo quy định định mức số lượng người làm việc tương ứng đối với trường trung học phổ thông theo quy định tại Thông tư này cho đến khi có quy định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Nguyên tắc xác định vị trí việc làm và quản lý, sử dụng số lượng người làm việc trong cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, dự bị đại học

1. Việc xác định vị trí việc làm trong cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, dự bị đại học thực hiện theo quy định tại Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về vị trí việc làm viên chức.

2. Việc xác định, quản lý số lượng người làm việc trong cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, dự bị đại học thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Bố trí đủ số lượng giáo viên giảng dạy mỗi môn học, cấp học theo định mức quy định tại Thông tư này. Trường hợp môn học, cấp học không có đủ giáo viên giảng dạy theo định mức quy định tại Thông tư này thì cơ quan có thẩm quyền thực hiện ký hợp đồng lao động theo quy định hoặc thực hiện việc điều động, chuyển, biệt phái hoặc cử nhà giáo dạy liên trường để bổ sung số lượng giáo viên còn thiếu đối với môn học, cấp học đó;

b) Bố trí đủ số lượng nhân sự hỗ trợ giáo dục theo định mức quy định tại Thông tư này. Trường hợp số lượng nhân sự hỗ trợ giáo dục không đủ theo định mức quy định tại Thông tư này thì cơ quan có thẩm quyền thực hiện ký hợp đồng lao động theo quy định hoặc bố trí nhân sự hỗ trợ giáo dục khác kiêm nhiệm. Người được bố trí kiêm nhiệm phải đáp ứng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm kiêm nhiệm;

c) Không bố trí giáo viên kiêm nhiệm các vị trí việc làm hỗ trợ. Trường hợp bắt buộc phải bố trí giáo viên kiêm nhiệm các vị trí việc làm hỗ trợ do không thể bố trí nhân sự hỗ trợ giáo dục khác kiêm nhiệm hoặc không thể bố trí, phân công đủ số tiết dạy hoặc định mức giờ dạy theo định mức quy định đối với giáo viên đó thì cơ sở giáo dục phải báo cáo cơ quan quản lý giáo dục trực tiếp;

d) Những vị trí việc làm hỗ trợ không đủ khối lượng công việc để thực hiện theo thời gian quy định của một người làm việc thì bố trí thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm. Người được bố trí kiêm nhiệm phải đáp ứng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm kiêm nhiệm;

đ) Số lượng tổ trưởng, phó tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ văn phòng, tổ giáo dục đặc thù (nếu có) thuộc số lượng người làm việc ở vị trí việc làm giáo viên, vị trí việc làm hỗ trợ được giao của cơ sở giáo dục; không bố trí riêng số lượng người làm việc cho các vị trí việc làm này.

3. Căn cứ tổng số lượng người làm việc (bao gồm biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước và số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp) được cơ quan có thẩm quyền giao, cơ quan có thẩm quyền quyết định giao số lượng người làm việc cho các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm phù hợp với quy định định mức số lượng người làm việc tại Thông tư này.

4. Ngoài các vị trí việc làm quy định tại Thông tư này, căn cứ nhu cầu, điều kiện thực tế và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, cơ sở giáo dục được đề xuất cơ quan có thẩm quyền quyết định theo phân cấp của địa phương xem xét, quyết định việc bố trí các vị trí việc làm khác được quy định tại Nghị định số 232/2026/NĐ-CP. Số lượng người làm việc đối với từng vị trí việc làm do cơ quan có thẩm quyền quyết định theo phân cấp.

5. Định mức số lượng giáo viên của lớp dành cho người khuyết tật trong cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện theo quy định đối với trường dành cho người khuyết tật ở từng cấp học.

6. Đối với trường phổ thông có nhiều cấp học (trừ trường phổ thông nội trú):

a) Định mức số lượng phó hiệu trưởng; tổ trưởng, phó tổ trưởng các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, tổ giáo dục đặc thù (nếu có) thực hiện theo quy định đối với cấp học cao nhất;

b) Định mức số lượng giáo viên thực hiện theo quy định đối với từng cấp học;

c) Định mức số lượng người làm việc của vị trí việc làm hỗ trợ và vị trí việc làm bảo vệ, phục vụ thực hiện theo quy định đối với cấp học cao nhất. Trong đó, số lớp hoặc số học sinh để làm căn cứ tính số lượng người làm việc theo quy định đối với cấp học cao nhất là tổng số lớp hoặc tổng số học sinh của tất cả các cấp học;

đ) Định mức số lượng tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh được thực hiện theo quy định đối với trường trung học cơ sở.

7. Đối với trường phổ thông nội trú:

a) Định mức số lượng phó hiệu trưởng; tổ trưởng, phó tổ trưởng các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, tổ giáo dục đặc thù thực hiện theo quy định đối với cấp học cao nhất;

b) Định mức số lượng giáo viên thực hiện theo quy định đối với từng cấp học, cụ thể như sau:

- Định mức số lượng giáo viên tiểu học thực hiện theo quy định đối với định mức số lượng giáo viên trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học;

- Định mức số lượng giáo viên trung học cơ sở thực hiện theo quy định đối với định mức số lượng giáo viên trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở;

- Định mức số lượng giáo viên trung học phổ thông thực hiện theo quy định đối với định mức số lượng giáo viên trường phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông;

c) Định mức số lượng người làm việc của vị trí việc làm hỗ trợ và vị trí việc làm bảo vệ, phục vụ

- Đối với trường phổ thông nội trú có cấp học cao nhất là cấp trung học cơ sở thì thực hiện theo quy định đối với trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở.

- Đối với trường phổ thông nội trú có cấp học cao nhất là cấp trung học phổ thông thì thực hiện theo quy định đối với trường phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông.

Trong đó, số lớp hoặc số học sinh để làm căn cứ tính số lượng người làm việc là tổng số lớp hoặc tổng số học sinh của tất cả các cấp học;

đ) Định mức số lượng tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh được thực hiện theo quy định đối với trường trung học cơ sở.

8. Đối với trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập

a) Định mức số lượng phó hiệu trưởng; tổ trưởng, phó tổ trưởng các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, tổ giáo dục đặc thù (nếu có) thực hiện theo quy định đối với trường, lớp dành cho người khuyết tật ở cấp học cao nhất;

b) Định mức số lượng giáo viên thực hiện theo quy định đối với trường, lớp dành cho người khuyết tật ở từng cấp học;

c) Định mức số lượng người làm việc của vị trí việc làm hỗ trợ và vị trí việc làm bảo vệ, phục vụ thực hiện theo quy định đối với trường, lớp dành cho người khuyết tật ở cấp học cao nhất. Trong đó, số lớp hoặc số học sinh để làm căn cứ tính số lượng người làm việc theo quy định đối với cấp học cao nhất là tổng số lớp hoặc tổng số học sinh của tất cả các cấp học;

đ) Định mức số lượng tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh (nếu có)

Ngoài định mức quy định tại điểm a, điểm b khoản này, mỗi trung tâm được bố trí 01 giáo viên làm tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

9. Trường Hữu nghị 80, Trường Hữu nghị T78, Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc

a) Định mức số lượng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng chức năng, vị trí việc làm hỗ trợ, vị trí việc làm bảo vệ, phục vụ thực hiện theo quy định đối với trường dự bị đại học;

b) Định mức số lượng giáo viên dạy các lớp tổ chức dạy chương trình giáo dục phổ thông thực hiện theo quy định đối với trường phổ thông dân tộc nội trú; định mức số lượng giáo viên dạy các lớp tổ chức dạy chương trình dự bị đại học thực hiện theo quy định đối với trường dự bị đại học;

c) Định mức số lượng người làm việc tổ trưởng, phó tổ trưởng tổ chuyên môn; tổ trưởng, phó tổ trưởng tổ văn phòng thực hiện theo quy định đối với trường phổ thông dân tộc nội trú.

Chương II

ĐỊNH MỨC SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON

Điều 4. Định mức số lượng cán bộ quản lý cơ sở giáo dục

1. Hiệu trưởng: Mỗi cơ sở giáo dục mầm non được bố trí 01 hiệu trưởng.

2. Phó hiệu trưởng

a) Đối với cơ sở giáo dục mầm non không có phân hiệu: Số lượng phó hiệu trưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 299/2026/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Đối với cơ sở giáo dục mầm non có phân hiệu: Trường chính được bố trí 01 phó hiệu trưởng; mỗi phân hiệu được bố trí 01 phó hiệu trưởng.

3. Tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng

a) Tổ chuyên môn: Mỗi tổ được bố trí 01 giáo viên làm tổ trưởng;

b) Tổ văn phòng: Mỗi tổ được bố trí 01 nhân sự hỗ trợ giáo dục làm tổ trưởng;

c) Tổ trưởng có thể giảng dạy ở trường chính hoặc phân hiệu.

4. Phó tổ trưởng tổ chuyên môn, phó tổ trưởng tổ văn phòng

a) Tổ chuyên môn

- Đối với cơ sở giáo dục mầm non không có phân hiệu: Tổ có từ 07 người đến 09 người được bố trí 01 giáo viên làm phó tổ trưởng; tổ có từ 10 người trở lên được bố trí không quá 02 giáo viên làm phó tổ trưởng;

- Đối với cơ sở giáo dục mầm non có phân hiệu: Trường chính được bố trí 01 giáo viên làm phó tổ trưởng; mỗi phân hiệu được bố trí 01 giáo viên làm phó tổ trưởng;

b) Tổ văn phòng: Tổ có từ 07 người đến 09 người được bố trí 01 nhân sự hỗ trợ giáo dục làm phó tổ trưởng; tổ có từ 10 người trở lên được bố trí không quá 02 nhân sự hỗ trợ giáo dục làm phó tổ trưởng.

Điều 5. Định mức số lượng giáo viên

1. Đối với nhóm trẻ: Mỗi nhóm trẻ được bố trí tối đa 2,5 giáo viên.

2. Đối với lớp mẫu giáo: Mỗi lớp mẫu giáo được bố trí tối đa 2,2 giáo viên.

3. Đối với nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép theo Điều lệ trường mầm non thì được bố trí định mức số lượng giáo viên theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Đối với cơ sở giáo dục mầm non có tổ chức cho trẻ em làm quen với tiếng Anh theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Cơ sở giáo dục mầm non được bố trí giáo viên dạy tiếng Anh trong tổng số định mức được giao của cơ sở giáo dục mầm non;

b) Định mức giáo viên dạy tiếng Anh tối thiểu được xác định như sau:

$$\text{Định mức giáo viên dạy tiếng Anh tối thiểu} = \frac{\text{Tổng số giờ dành cho hoạt động làm quen với tiếng Anh của cả cơ sở giáo dục trong 01 tuần}}{\text{Định mức giờ dạy của 01 giáo viên dạy tiếng Anh trung bình trong 01 tuần}}$$

Điều 6. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm kế toán, vị trí việc làm văn thư, vị trí việc làm thủ quỹ, vị trí việc làm thư viện viên

1. Đối với cơ sở giáo dục mầm non không có phân hiệu

a) Được bố trí 02 người để thực hiện các nhiệm vụ kế toán, văn thư, thủ quỹ, thư viện;

b) Được bố trí 03 người để thực hiện nhiệm vụ kế toán, văn thư, thủ quỹ, thư viện đối với cơ sở giáo dục mầm non có từ 5 điểm trường trở lên hoặc có từ 15 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo trở lên.

2. Đối với cơ sở giáo dục mầm non có phân hiệu

a) Mỗi vị trí việc làm văn thư, thủ quỹ được bố trí 01 người.

b) Vị trí việc làm kế toán

- Cơ sở giáo dục mầm non có từ 04 phân hiệu trở xuống được bố trí 01 người;

- Cơ sở giáo dục mầm non có từ 05 phân hiệu đến 09 phân hiệu được bố trí tối đa 02 người;

- Cơ sở giáo dục mầm non có từ 04 phân hiệu trở xuống thuộc loại hình trường có trẻ học bán trú có quy mô từ 40 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo trở lên thì được bố trí tối đa 02 người;

- Cơ sở giáo dục mầm non có từ 10 phân hiệu trở lên được bố trí tối đa 03 người;

c) Vị trí việc làm thư viện viên được bố trí 01 người tại trường chính và 01 người tại mỗi phân hiệu.

Điều 7. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm hỗ trợ giáo dục người khuyết tật

1. Đối với cơ sở giáo dục mầm non không có phân hiệu

a) Dưới 20 trẻ khuyết tật học hòa nhập thì được bố trí 01 người;

b) Từ 20 trẻ khuyết tật học hòa nhập trở lên thì được bố trí tối đa 02 người.

2. Đối với cơ sở giáo dục mầm non có phân hiệu: Được bố trí 01 người tại trường chính nếu có trẻ khuyết tật học hòa nhập và 01 người tại mỗi phân hiệu có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

Điều 8. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, vị trí việc làm y tế trường học, vị trí việc làm cấp dưỡng trong cơ sở giáo dục, vị trí việc làm hỗ trợ tổ chức hoạt động giáo dục

1. Vị trí việc làm ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, y tế trường học

a) Đối với cơ sở giáo dục mầm non không có phân hiệu: Mỗi vị trí việc làm ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, y tế trường học được bố trí tối thiểu 01 người;

b) Đối với cơ sở giáo dục mầm non có phân hiệu: Mỗi vị trí việc làm ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, y tế trường học được bố trí 01 người tại trường chính và 01 người tại mỗi phân hiệu.

2. Vị trí việc làm cấp dưỡng trong cơ sở giáo dục, hỗ trợ tổ chức hoạt động giáo dục

a) Đối với cơ sở giáo dục mầm non không có phân hiệu: Mỗi vị trí việc làm cấp dưỡng trong cơ sở giáo dục, hỗ trợ tổ chức hoạt động giáo dục được bố trí tối thiểu 01 người.

Đối với cơ sở giáo dục mầm non có phân hiệu: Mỗi vị trí việc làm cấp dưỡng trong cơ sở giáo dục, hỗ trợ tổ chức hoạt động giáo dục được bố trí tối thiểu 01 người tại trường chính và tối thiểu 01 người tại mỗi phân hiệu;

b) Căn cứ số lượng trẻ ở bán trú buổi trưa, quy mô lớp học, số lượng phân hiệu, số lượng điểm trường (nếu có) và kinh phí để thực hiện quản lý buổi trưa cơ quan có thẩm quyền quyết định số lượng hợp đồng lao động của vị trí việc làm cấp dưỡng trong cơ sở giáo dục, hỗ trợ tổ chức hoạt động giáo dục quy định tại điểm a khoản này.

Điều 9. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm bảo vệ, vị trí việc làm phục vụ

1. Căn cứ quy định của pháp luật, quy mô trẻ, tính chất, khối lượng công việc và điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục mầm non, hiệu trưởng xác định số lượng lao động hợp đồng đối với từng vị trí việc làm bảo vệ, phục vụ. Bảo đảm thời gian làm việc theo quy định của pháp luật về lao động, đủ số lượng lao động

hợp đồng vị trí việc làm bảo vệ, phục vụ đối với cơ sở giáo dục (bao gồm cả cơ sở giáo dục có trường chính, các phân hiệu, điểm trường).

2. Việc ký kết hợp đồng lao động thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

Chương III

ĐỊNH MỨC SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG TRƯỜNG TIỂU HỌC

Điều 10. Định mức số lượng cán bộ quản lý cơ sở giáo dục

1. Hiệu trưởng: Mỗi trường tiểu học được bố trí 01 hiệu trưởng.
2. Phó hiệu trưởng
 - a) Đối với trường tiểu học không có phân hiệu: Số lượng phó hiệu trưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 299/2026/NĐ-CP;
 - b) Đối với trường tiểu học có phân hiệu: Trường chính được bố trí 01 phó hiệu trưởng; mỗi phân hiệu được bố trí 01 phó hiệu trưởng.
3. Tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng, tổ trưởng tổ giáo dục đặc thù
 - a) Tổ chuyên môn: Mỗi tổ được bố trí 01 giáo viên làm tổ trưởng;
 - b) Tổ văn phòng: Mỗi tổ được bố trí 01 nhân sự hỗ trợ giáo dục làm tổ trưởng;
 - c) Tổ giáo dục đặc thù: Mỗi tổ được bố trí 01 giáo viên hoặc nhân sự hỗ trợ giáo dục làm tổ trưởng;
 - d) Tổ trưởng có thể giảng dạy ở trường chính hoặc phân hiệu.
4. Phó tổ trưởng tổ chuyên môn, phó tổ trưởng tổ văn phòng, phó tổ trưởng tổ giáo dục đặc thù
 - a) Tổ chuyên môn
 - Đối với trường tiểu học không có phân hiệu: Tổ có từ 07 người đến 09 người được bố trí 01 giáo viên làm phó tổ trưởng; tổ có từ 10 người trở lên được bố trí không quá 02 giáo viên làm phó tổ trưởng;
 - Đối với trường tiểu học có phân hiệu: Trường chính được bố trí 01 giáo viên làm phó tổ trưởng; mỗi phân hiệu được bố trí 01 giáo viên làm phó tổ trưởng;
 - b) Tổ đặc thù
 - Đối với trường tiểu học không có phân hiệu: Tổ có từ 07 người đến 09 người được bố trí 01 giáo viên hoặc nhân sự hỗ trợ giáo dục làm phó tổ trưởng; tổ có từ 10 người trở lên được bố trí không quá 02 giáo viên hoặc nhân sự hỗ trợ giáo dục làm phó tổ trưởng;
 - Đối với trường tiểu học có phân hiệu: Trường chính được bố trí 01 giáo viên hoặc nhân sự hỗ trợ giáo dục làm phó tổ trưởng; mỗi phân hiệu được bố trí 01 giáo viên hoặc nhân sự hỗ trợ giáo dục làm phó tổ trưởng;
 - c) Tổ văn phòng: Tổ có từ 07 người đến 09 người được bố trí 01 nhân sự hỗ trợ giáo dục làm phó tổ trưởng; tổ có từ 10 người trở lên được bố trí không quá 02 nhân sự hỗ trợ giáo dục làm phó tổ trưởng.

Điều 11. Định mức số lượng giáo viên

1. Định mức số lượng giáo viên trong trường tiểu học
 - a) Trường tiểu học được bố trí tối đa 1,5 giáo viên/lớp đối với lớp học 2 buổi/ngày, bố trí tối đa 1,2 giáo viên/lớp đối với lớp học 01 buổi/ngày;
 - b) Trường phổ thông dân tộc bán trú; trường, lớp dành cho người khuyết tật bố trí tối đa 1,65 giáo viên/lớp.
2. Định mức số lượng tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh

Ngoài định mức quy định tại khoản 1 Điều này, các trường tiểu học được bố trí giáo viên phụ trách hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Cụ thể như sau:

- a) Đối với trường tiểu học không có phân hiệu: Mỗi trường được bố trí 01 giáo viên làm tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh;
- b) Đối với trường tiểu học có phân hiệu: Trường chính được bố trí 01 giáo viên; mỗi phân hiệu được bố trí 01 giáo viên. Trong đó, bố trí 01 giáo viên làm tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh phụ trách chung hoạt động Đội trong toàn trường. Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh có thể giảng dạy ở trường chính hoặc phân hiệu.

3. Định mức số lượng giáo viên theo mỗi môn học

Đối với các môn Giáo dục thể chất, môn Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật), môn Ngoại ngữ, môn Tin học và Công nghệ, môn Tiếng dân tộc thiểu số có phân công giáo viên dạy riêng theo từng môn thì định mức số lượng giáo viên tối thiểu của mỗi môn học trong trường tiểu học được xác định như sau:

$$\begin{array}{lcl} \text{Định mức số lượng} & & \text{Tổng số tiết dạy của môn học của cả trường} \\ \text{giáo viên tối thiểu của} & = & \text{trong 01 năm học} \\ \text{mỗi môn học} & & \text{Định mức tiết dạy của 01 giáo viên trong 01 năm học} \end{array}$$

Điều 12. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm kế toán, vị trí việc làm văn thư, vị trí việc làm thủ quỹ

1. Đối với trường tiểu học không có phân hiệu
 - a) Trường tiểu học dành cho người khuyết tật cấp tiểu học được bố trí tối đa 03 người để thực hiện nhiệm vụ kế toán, văn thư, thủ quỹ;
 - b) Trường tiểu học còn lại được bố trí tối đa 02 người để thực hiện nhiệm vụ kế toán, văn thư, thủ quỹ.
2. Đối với trường tiểu học có phân hiệu
 - a) Mỗi vị trí việc làm văn thư, thủ quỹ được bố trí 01 người.
 - b) Vị trí việc làm kế toán
 - Trường tiểu học có từ 04 phân hiệu trở xuống được bố trí 01 người;
 - Trường tiểu học có từ 05 phân hiệu đến 09 phân hiệu được bố trí tối đa 02 người;
 - Trường tiểu học có từ 04 phân hiệu trở xuống thuộc loại hình trường có học sinh bán trú, nội trú có quy mô từ 40 lớp trở lên thì được bố trí tối đa 02 người;
 - Trường tiểu học có từ 10 phân hiệu trở lên được bố trí tối đa 03 người.

Điều 13. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm giáo vụ

1. Đối với trường tiểu học không có phân hiệu

a) Trường dành cho người khuyết tật cấp tiểu học được bố trí tối đa 02 người;

b) Các trường tiểu học còn lại được bố trí 01 người.

2. Đối với trường tiểu học có phân hiệu: Được bố trí 01 người tại trường chính và 01 người tại mỗi phân hiệu.

Điều 14. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm tư vấn học sinh

1. Đối với trường tiểu học không có phân hiệu: Mỗi trường tiểu học được bố trí 01 người.

2. Đối với trường tiểu học có phân hiệu: Được bố trí 01 người tại trường chính và 01 người tại mỗi phân hiệu.

Điều 15. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm hỗ trợ giáo dục người khuyết tật

1. Đối với trường tiểu học không có phân hiệu

a) Đối với trường dành cho người khuyết tật cấp tiểu học: Cứ 15 học sinh khuyết tật thì được bố trí 01 người;

b) Đối với các trường tiểu học có học sinh khuyết tật học hòa nhập: Trường có dưới 20 học sinh khuyết tật học hòa nhập thì được bố trí 01 người; trường có từ 20 học sinh khuyết tật học hòa nhập trở lên thì được bố trí tối đa 02 người.

2. Đối với trường tiểu học có phân hiệu: Được bố trí 01 người tại trường chính nếu có học sinh khuyết tật học hòa nhập và 01 người tại mỗi phân hiệu có học sinh khuyết tật học hòa nhập.

Điều 16. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm thư viện viên, vị trí việc làm ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

1. Đối với trường tiểu học không có phân hiệu

a) Trường tiểu học có từ 28 lớp trở lên; trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học và trường dành cho người khuyết tật cấp tiểu học được bố trí tối đa 02 người;

b) Trường tiểu học còn lại được bố trí 01 người.

2. Đối với trường tiểu học có phân hiệu: Mỗi vị trí việc làm thư viện viên, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số được bố trí 01 người tại trường chính và 01 người tại mỗi phân hiệu.

Điều 17. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm y tế trường học, vị trí việc làm cấp dưỡng trong cơ sở giáo dục, vị trí việc làm quản lý học sinh

1. Vị trí việc làm y tế trường học

a) Đối với trường tiểu học không có phân hiệu: Được bố trí tối thiểu 01 người;

b) Đối với trường tiểu học có phân hiệu: Được bố trí 01 người tại người trường chính và 01 người tại mỗi phân hiệu.

2. Vị trí việc làm cấp dưỡng trong cơ sở giáo dục, quản lý học sinh

a) Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học; trường, lớp dành cho người khuyết tật; trường tiểu học có tổ chức ăn, ở tập trung cho học sinh bán trú

Đối với trường tiểu học không có phân hiệu: Mỗi vị trí việc làm cấp dưỡng trong cơ sở giáo dục, quản lý học sinh được bố trí tối thiểu 01 người.

Đối với trường tiểu học có phân hiệu: Mỗi vị trí việc làm cấp dưỡng trong cơ sở giáo dục, quản lý học sinh được bố trí tối thiểu 01 người tại trường chính và 01 người tại mỗi phân hiệu;

b) Căn cứ số lượng học sinh bán trú, quy mô lớp học, số lượng phân hiệu, số lượng điểm trường (nếu có) và kinh phí để thực hiện quản lý học sinh bán trú ngoài giờ lên lớp cơ quan có thẩm quyền quyết định số lượng hợp đồng lao động của vị trí việc làm cấp dưỡng trong cơ sở giáo dục, quản lý học sinh quy định tại điểm a khoản này.

Điều 18. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm bảo vệ, vị trí việc làm phục vụ

1. Căn cứ quy định của pháp luật, quy mô học sinh, tính chất, khối lượng công việc và điều kiện thực tế của trường tiểu học, hiệu trưởng xác định số lượng lao động hợp đồng đối với từng vị trí việc làm bảo vệ, phục vụ. Bảo đảm thời gian làm việc theo quy định của pháp luật về lao động, đủ số lượng lao động hợp đồng vị trí việc làm bảo vệ, phục vụ đối với trường tiểu học (bao gồm cả trường tiểu học có trường chính, các phân hiệu, điểm trường).

2. Việc ký kết hợp đồng lao động thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

Chương IV

ĐỊNH MỨC SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

Điều 19. Định mức số lượng cán bộ quản lý cơ sở giáo dục

1. Hiệu trưởng: Mỗi trường trung học cơ sở được bố trí 01 hiệu trưởng.

2. Phó hiệu trưởng

a) Đối với trường trung học cơ sở không có phân hiệu: Số lượng phó hiệu trưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 299/2026/NĐ-CP;

b) Đối với trường trung học cơ sở có phân hiệu: Trường chính được bố trí 01 phó hiệu trưởng; mỗi phân hiệu được bố trí 01 phó hiệu trưởng.

3. Tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng, tổ trưởng tổ giáo dục đặc thù

a) Tổ chuyên môn: Mỗi tổ được bố trí 01 giáo viên làm tổ trưởng;

b) Tổ văn phòng: Mỗi tổ được bố trí 01 nhân sự hỗ trợ giáo dục làm tổ trưởng;

c) Tổ giáo dục đặc thù: Mỗi tổ được bố trí 01 giáo viên hoặc nhân sự hỗ trợ giáo dục làm tổ trưởng;

d) Tổ trưởng có thể giảng dạy ở trường chính hoặc phân hiệu.

4. Phó tổ trưởng tổ chuyên môn, phó tổ trưởng tổ văn phòng, phó tổ trưởng tổ giáo dục đặc thù

a) Tổ chuyên môn

- Đối với trường trung học cơ sở không có phân hiệu: Tổ có từ 07 người đến 09 người được bố trí 01 giáo viên làm phó tổ trưởng; tổ có từ 10 người trở lên được bố trí không quá 02 giáo viên làm phó tổ trưởng;

- Đối với trường trung học cơ sở có phân hiệu: Trường chính được bố trí 01 giáo viên làm phó tổ trưởng; mỗi phân hiệu được bố trí 01 giáo viên làm phó tổ trưởng;

b) Tổ đặc thù

- Đối với trường trung học cơ sở không có phân hiệu: Tổ có từ 07 người đến 09 người được bố trí 01 giáo viên hoặc nhân sự hỗ trợ giáo dục làm phó tổ trưởng; tổ có từ 10 người trở lên được bố trí không quá 02 giáo viên hoặc nhân sự hỗ trợ giáo dục làm phó tổ trưởng;

- Đối với trường trung học cơ sở có phân hiệu: Trường chính được bố trí 01 giáo viên hoặc nhân sự hỗ trợ giáo dục làm phó tổ trưởng; mỗi phân hiệu được bố trí 01 giáo viên hoặc nhân sự hỗ trợ giáo dục làm phó tổ trưởng;

c) Tổ văn phòng: Tổ có từ 07 người đến 09 người được bố trí 01 nhân sự hỗ trợ giáo dục làm phó tổ trưởng; tổ có từ 10 người trở lên được bố trí không quá 02 nhân sự hỗ trợ giáo dục làm phó tổ trưởng.

Điều 20. Định mức số lượng giáo viên

1. Định mức số lượng giáo viên trong trường trung học cơ sở

a) Trường trung học cơ sở được bố trí tối đa 1,8 giáo viên/lớp;

b) Trường phổ thông dân tộc nội trú; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường, lớp dành cho người khuyết tật được bố trí tối đa 2,1 giáo viên/lớp;

c) Trường dành cho người khuyết tật được bố trí tối đa 2,2 giáo viên/lớp.

2. Định mức số lượng tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh

Ngoài định mức quy định tại khoản 1 Điều này, các trường trung học cơ sở được bố trí giáo viên phụ trách hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Cụ thể như sau:

a) Đối với trường trung học cơ sở không có phân hiệu: Mỗi trường được bố trí 01 giáo viên làm tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh;

b) Đối với trường trung học cơ sở có phân hiệu: Trường chính được bố trí 01 giáo viên; mỗi phân hiệu được bố trí 01 giáo viên. Trong đó, bố trí 01 giáo viên làm tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh phụ trách chung hoạt động Đội trong toàn trường. Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh có thể giảng dạy ở trường chính hoặc phân hiệu.

3. Định mức số lượng giáo viên theo mỗi môn học

Định mức số lượng giáo viên tối thiểu của mỗi môn học trong trường trung học cơ sở được xác định như sau:

$$\text{Số lượng giáo viên tối thiểu của mỗi môn học} = \frac{\text{Tổng số tiết dạy của môn học của cả trường trong 01 năm học}}{\text{Định mức tiết dạy của 01 giáo viên dạy trong 01 năm học}}$$

Điều 21. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm kế toán, vị trí việc làm văn thư, vị trí việc làm thủ quỹ

1. Đối với trường trung học cơ sở không có phân hiệu
 - a) Trường trung học cơ sở và trường phổ thông dân tộc bán trú được bố trí tối đa 02 người để thực hiện nhiệm vụ kế toán, văn thư, thủ quỹ;
 - b) Trường phổ thông dân tộc nội trú, trường dành cho người khuyết tật cấp trung học cơ sở, trường trung học cơ sở có từ 40 lớp trở lên, trường phổ thông dân tộc bán trú có trên 200 học sinh được hưởng chính sách học sinh bán trú thì được bố trí tối đa 03 người để thực hiện nhiệm vụ kế toán, văn thư, thủ quỹ;
2. Đối với trường trung học cơ sở có phân hiệu
 - a) Mỗi vị trí việc làm văn thư, thủ quỹ được bố trí 01 người.
 - b) Vị trí việc làm kế toán
 - Trường trung học cơ sở có từ 04 phân hiệu trở xuống được bố trí 01 người;
 - Trường trung học cơ sở có từ 05 phân hiệu đến 09 phân hiệu được bố trí tối đa 02 người;
 - Trường trung học cơ sở có từ 10 phân hiệu trở xuống thuộc loại hình trường có học sinh bán trú, nội trú có quy mô từ 40 lớp trở lên thì được bố trí tối đa 02 người;
 - Trường trung học cơ sở có từ 10 phân hiệu trở lên được bố trí tối đa 03 người.

Điều 22. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm

1. Đối với trường trung học cơ sở không có phân hiệu: Mỗi trường được bố trí 01 người.
2. Đối với trường trung học cơ sở có phân hiệu: Được bố trí 01 người tại trường chính và 01 người tại mỗi phân hiệu.

Điều 23. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm giáo vụ

1. Đối với trường trung học cơ sở không có phân hiệu
 - a) Trường phổ thông dân tộc nội trú và trường dành cho người khuyết tật cấp trung học cơ sở được bố trí tối đa 02 người;
 - b) Các trường còn lại được bố trí 01 người.
2. Đối với trường trung học cơ sở có phân hiệu: Được bố trí 01 người tại trường chính và 01 người tại mỗi phân hiệu.

Điều 24. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm tư vấn học sinh

1. Đối với trường trung học cơ sở không có phân hiệu: Mỗi trường được bố trí 01 người.
2. Đối với trường trung học cơ sở có phân hiệu: Được bố trí 01 người tại trường chính và 01 người tại mỗi phân hiệu.

Điều 25. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm hỗ trợ giáo dục người khuyết tật

1. Đối với trường trung học cơ sở không có phân hiệu
 - a) Đối với trường dành cho người khuyết tật cấp trung học cơ sở: Cứ 15 học sinh khuyết tật thì được bố trí 01 người;
 - b) Đối với các trường trung học cơ sở có học sinh khuyết tật học hòa nhập: Trường có dưới 20 học sinh khuyết tật học hòa nhập thì được bố trí 01 người;

trường có từ 20 học sinh khuyết tật học hòa nhập trở lên thì được bố trí tối đa 02 người.

2. Đối với trường trung học cơ sở có phân hiệu: Được bố trí 01 người tại trường chính nếu có học sinh khuyết tật học hòa nhập và 01 người tại mỗi phân hiệu có học sinh khuyết tật học hòa nhập.

Điều 26. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm thư viện viên, vị trí việc làm ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

1. Đối với trường trung học cơ sở không có phân hiệu

a) Trường trung học cơ sở có từ 28 lớp trở lên; trường phổ thông dân tộc nội trú, trường dành cho người khuyết tật cấp trung học cơ sở được bố trí tối đa 02 người;

b) Trường trung học cơ sở còn lại được bố trí 01 người.

2. Đối với trường trung học cơ sở có phân hiệu: Mỗi vị trí việc làm thư viện viên, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số được bố trí 01 người tại trường chính và 01 người tại mỗi phân hiệu.

Điều 27. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm y tế trường học, vị trí việc làm cấp dưỡng trong cơ sở giáo dục, vị trí việc làm quản lý học sinh

1. Vị trí việc làm y tế trường học

a) Đối với trường trung học cơ sở không có phân hiệu: Được bố trí tối thiểu 01 người;

b) Đối với trường trung học cơ sở có phân hiệu: Được bố trí 01 người tại trường chính và 01 người tại mỗi phân hiệu.

2. Vị trí việc làm cấp dưỡng trong cơ sở giáo dục, quản lý học sinh

a) Trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú; trường, lớp dành cho người khuyết tật; trường trung học cơ sở có tổ chức ăn, ở tập trung cho học sinh bán trú

Đối với trường trung học cơ sở không có phân hiệu: Mỗi vị trí việc làm cấp dưỡng trong cơ sở giáo dục, quản lý học sinh được bố trí tối thiểu 01 người.

Đối với trường trung học cơ sở có phân hiệu: Mỗi vị trí việc làm cấp dưỡng trong cơ sở giáo dục, quản lý học sinh được bố trí tối thiểu 01 người tại trường chính và 01 người tại mỗi phân hiệu;

b) Căn cứ số lượng học sinh bán trú, nội trú, quy mô lớp học, số lượng phân hiệu, số lượng điểm trường (nếu có) và kinh phí để thực hiện quản lý học sinh bán trú ngoài giờ lên lớp cơ quan có thẩm quyền quyết định số lượng số lượng hợp đồng lao động của vị trí việc làm cấp dưỡng trong cơ sở giáo dục, quản lý học sinh quy định tại điểm a khoản này.

Điều 28. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm bảo vệ, vị trí việc làm phục vụ

1. Căn cứ quy định của pháp luật, quy mô học sinh, tính chất, khối lượng công việc và điều kiện thực tế của trường trung học cơ sở, hiệu trưởng xác định số lượng lao động hợp đồng đối với từng vị trí việc làm bảo vệ, phục vụ. Bảo đảm thời gian làm việc theo quy định của pháp luật về lao động, đủ số lượng lao động

hợp đồng vị trí việc làm bảo vệ, phục vụ đối với trường trung học cơ sở (bao gồm cả trường trung học cơ sở có trường chính, các phân hiệu, điểm trường).

2. Việc ký kết hợp đồng lao động thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

Chương V

ĐỊNH MỨC SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Điều 29. Định mức số lượng cán bộ quản lý cơ sở giáo dục

1. Hiệu trưởng: Mỗi trường trung học phổ thông được bố trí 01 hiệu trưởng.
2. Phó hiệu trưởng
 - a) Đối với trường trung học phổ thông không có phân hiệu: Số lượng phó hiệu trưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 299/2026/NĐ-CP;
 - b) Đối với trường trung học phổ thông có phân hiệu: Trường chính được bố trí 01 phó hiệu trưởng; mỗi phân hiệu được bố trí 01 phó hiệu trưởng.
3. Tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng, tổ trưởng tổ giáo dục đặc thù
 - a) Tổ chuyên môn: Mỗi tổ được bố trí 01 giáo viên làm tổ trưởng;
 - b) Tổ văn phòng: Mỗi tổ được bố trí 01 nhân sự hỗ trợ giáo dục làm tổ trưởng;
 - c) Tổ giáo dục đặc thù: Mỗi tổ được bố trí 01 giáo viên hoặc nhân sự hỗ trợ giáo dục làm tổ trưởng;
 - d) Tổ trưởng có thể giảng dạy ở trường chính hoặc phân hiệu.
4. Phó tổ trưởng tổ chuyên môn, phó tổ trưởng tổ văn phòng, phó tổ trưởng tổ giáo dục đặc thù
 - a) Tổ chuyên môn
 - Đối với trường trung học phổ thông không có phân hiệu: Tổ có từ 07 người đến 09 người được bố trí 01 giáo viên làm phó tổ trưởng; tổ có từ 10 người trở lên được bố trí không quá 02 giáo viên làm phó tổ trưởng;
 - Đối với trường trung học phổ thông có phân hiệu: Trường chính được bố trí 01 giáo viên làm phó tổ trưởng; mỗi phân hiệu được bố trí 01 giáo viên làm phó tổ trưởng;
 - b) Tổ đặc thù
 - Đối với trường trung học phổ thông không có phân hiệu: Tổ có từ 07 người đến 09 người được bố trí 01 giáo viên hoặc nhân sự hỗ trợ giáo dục làm phó tổ trưởng; tổ có từ 10 người trở lên được bố trí không quá 02 giáo viên hoặc nhân sự hỗ trợ giáo dục làm phó tổ trưởng;
 - Đối với trường trung học phổ thông có phân hiệu: Trường chính được bố trí 01 giáo viên hoặc nhân sự hỗ trợ giáo dục làm phó tổ trưởng; mỗi phân hiệu được bố trí 01 giáo viên hoặc nhân sự hỗ trợ giáo dục làm phó tổ trưởng;
 - c) Tổ văn phòng: Tổ có từ 07 người đến 09 người được bố trí 01 nhân sự hỗ trợ giáo dục làm phó tổ trưởng; tổ có từ 10 người trở lên được bố trí không quá 02 nhân sự hỗ trợ giáo dục làm phó tổ trưởng.

Điều 30. Định mức số lượng giáo viên

1. Định mức số lượng giáo viên trong trường trung học phổ thông
 - a) Trường trung học phổ thông được bố trí tối đa 2,15 giáo viên/lớp;
 - b) Trường phổ thông dân tộc nội trú được bố trí tối đa 2,2 giáo viên/lớp;
 - c) Trường dành cho người khuyết tật được bố trí tối đa 2,2 giáo viên/lớp;
 - d) Trường trung học phổ thông chuyên: Lớp chuyên được bố trí tối đa 3,0 giáo viên/lớp.

2. Định mức số lượng giáo viên theo mỗi môn học

Định mức số lượng giáo viên tối thiểu của mỗi môn học trong trường trung học phổ thông được xác định như sau:

$$\text{Số lượng giáo viên tối thiểu của mỗi môn học} = \frac{\text{Tổng số tiết dạy của môn học của cả trường trong 01 năm học}}{\text{Định mức tiết dạy của 01 giáo viên dạy trong 01 năm học}}$$

Điều 31. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm kế toán, vị trí việc làm văn thư, vị trí việc làm thủ quỹ

1. Đối với trường trung học phổ thông không có phân hiệu
 - a) Trường phổ thông dân tộc nội trú và trường trung học phổ thông chuyên được bố trí tối đa 03 người để thực hiện nhiệm vụ kế toán, văn thư, thủ quỹ;
 - b) Các trường trung học phổ thông còn lại được bố trí tối đa 02 người để thực hiện nhiệm vụ kế toán, văn thư, thủ quỹ;
 - c) Trường phổ thông dân tộc nội trú có quy mô trên 400 học sinh, trường trung học phổ thông có từ 40 lớp trở lên được bố trí thêm 01 người.
2. Đối với trường trung học phổ thông có phân hiệu
 - Trường trung học phổ thông có từ 04 phân hiệu trở xuống được bố trí 01 người;
 - Trường trung học phổ thông có từ 05 phân hiệu đến 09 phân hiệu được bố trí tối đa 02 người;
 - Trường trung học phổ thông có từ 04 phân hiệu trở xuống thuộc loại hình trường có học sinh bán trú, nội trú có quy mô từ 40 lớp trở lên thì được bố trí tối đa 02 người;
 - Trường trung học phổ thông có từ 10 phân hiệu trở lên được bố trí tối đa 03 người.

Điều 32. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm

1. Đối với trường trung học phổ thông không có phân hiệu
 - a) Trường trung học phổ thông chuyên được bố trí tối đa 04 người;
 - b) Trường phổ thông dân tộc nội trú được bố trí tối đa 02 người;
 - c) Các trường trung học phổ thông còn lại được bố trí 01 người.
2. Đối với trường trung học phổ thông có phân hiệu: Được bố trí 01 người tại trường chính và 01 người tại mỗi phân hiệu.

Điều 33. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm giáo vụ

1. Đối với trường trung học phổ thông không có phân hiệu

a) Trường phổ thông dân tộc nội trú và trường trung học phổ thông chuyên được bố trí tối đa 02 người;

b) Các trường trung học phổ thông còn lại được bố trí 01 người.

2. Đối với trường trung học phổ thông có phân hiệu: Được bố trí 01 người tại trường chính và 01 người tại mỗi phân hiệu.

Điều 34. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm tư vấn học sinh

1. Đối với trường trung học phổ thông không có phân hiệu: Mỗi trường trung học phổ thông được bố trí 01 người.

2. Đối với trường trung học phổ thông có phân hiệu: Được bố trí 01 người tại trường chính và 01 người tại mỗi phân hiệu.

Điều 35. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm hỗ trợ giáo dục người khuyết tật

1. Đối với trường trung học phổ thông không có phân hiệu

a) Đối với trường dành cho người khuyết tật cấp trung học phổ thông: Cứ 15 học sinh khuyết tật thì được bố trí 01 người;

b) Đối với các trường trung học phổ thông có học sinh khuyết tật học hòa nhập: Trường có dưới 20 học sinh khuyết tật học hòa nhập thì được bố trí 01 người; trường có từ 20 học sinh khuyết tật học hòa nhập trở lên thì được bố trí tối đa 02 người.

2. Đối với trường trung học phổ thông có phân hiệu: Được bố trí 01 người tại trường chính nếu có học sinh khuyết tật học hòa nhập và 01 người tại mỗi phân hiệu có học sinh khuyết tật học hòa nhập.

Điều 36. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm thư viện viên, vị trí việc làm ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

1. Đối với trường trung học phổ thông không có phân hiệu

a) Trường phổ thông dân tộc nội trú được bố trí tối đa 03 người;

b) Trường trung học phổ thông chuyên được bố trí tối đa 04 người;

c) Các trường trung học phổ thông còn lại được bố trí tối đa 02 người.

2. Đối với trường trung học phổ thông có phân hiệu: Mỗi vị trí việc làm thư viện viên, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số được bố trí 01 người tại trường chính và 01 người tại mỗi phân hiệu.

Điều 37. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm y tế trường học, vị trí việc làm cấp dưỡng trong cơ sở giáo dục, vị trí việc làm quản lý học sinh

1. Vị trí việc làm y tế trường học

a) Đối với trường trung học phổ thông không có phân hiệu: Được bố trí tối thiểu 01 người;

b) Đối với trường trung học phổ thông có phân hiệu: Được bố trí 01 người tại trường chính và 01 người tại mỗi phân hiệu.

2. Vị trí việc làm cấp dưỡng trong cơ sở giáo dục, quản lý học sinh

a) Trường phổ thông dân tộc nội trú; trường trung học phổ thông có tổ chức ăn, ở tập trung cho học sinh bán trú

Đối với trường trung học phổ thông không có phân hiệu: Mỗi vị trí việc làm cấp dưỡng trong cơ sở giáo dục, quản lý học sinh được bố trí tối thiểu 01 người.

Đối với trường trung học phổ thông có phân hiệu: Mỗi vị trí việc làm cấp dưỡng trong cơ sở giáo dục, quản lý học sinh được bố trí tối thiểu 01 người tại trường chính và 01 người tại mỗi phân hiệu;

b) Căn cứ số lượng học sinh nội trú, quy mô lớp học, số lượng phân hiệu, số lượng điểm trường (nếu có) và kinh phí để thực hiện quản lý học sinh bán trú ngoài giờ lên lớp cơ quan có thẩm quyền quyết định số lượng số lượng hợp đồng lao động của vị trí việc làm cấp dưỡng trong cơ sở giáo dục, quản lý học sinh quy định tại điểm a khoản này.

Điều 38. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm bảo vệ, vị trí việc làm phục vụ

1. Căn cứ quy định của pháp luật, quy mô học sinh, tính chất, khối lượng công việc và điều kiện thực tế của trường trung học phổ thông, hiệu trưởng xác định số lượng lao động hợp đồng đối với từng vị trí việc làm bảo vệ, phục vụ. Bảo đảm thời gian làm việc theo quy định của pháp luật về lao động, đủ số lượng lao động hợp đồng vị trí việc làm bảo vệ, phục vụ đối với trường trung học phổ thông (bao gồm cả trường trung học phổ thông có trường chính, các phân hiệu, điểm trường).

2. Việc ký kết hợp đồng lao động thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

Chương VI

ĐỊNH MỨC SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC

Điều 39. Định mức số lượng cán bộ quản lý cơ sở giáo dục

1. Hiệu trưởng: Mỗi trường dự bị đại học được bố trí 01 hiệu trưởng.
2. Phó hiệu trưởng: Số lượng phó hiệu trưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 299/2026/NĐ-CP.
3. Trưởng phòng chức năng: Mỗi phòng có 01 trưởng phòng.
4. Phó trưởng phòng chức năng: Số lượng phó trưởng phòng chức năng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 299/2026/NĐ-CP.
5. Tổ trưởng tổ chuyên môn: Mỗi tổ chuyên môn được bố trí 01 tổ trưởng.
6. Phó tổ trưởng tổ chuyên môn: Tổ có từ 07 người đến 09 người được bố trí 01 giáo viên làm phó tổ trưởng; tổ có từ 10 người trở lên được bố trí không quá 02 giáo viên làm phó tổ trưởng.

Điều 40. Định mức số lượng giáo viên

Số lượng giáo viên của trường dự bị đại học là 2,9 giáo viên/lớp.

Điều 41. Định mức số lượng người làm việc tại vị trí việc làm hỗ trợ, vị trí việc làm bảo vệ, vị trí việc làm phục vụ

Căn cứ quy định hiện hành của pháp luật, quy mô học sinh, tính chất, khối lượng công việc và điều kiện thực tế của nhà trường, hiệu trưởng trường dự bị đại học lựa chọn vị trí việc làm cụ thể, xác định số lượng người làm việc tương ứng

với từng vị trí việc làm nhân sự hỗ trợ giáo dục (bao gồm cả người làm việc trong các phòng chức năng), vị trí việc làm bảo vệ, phục vụ để sử dụng trong nhà trường.

Chương VII **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 42. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.
2. Thông tư này thay thế các Thông tư sau:
 - a) Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;
 - b) Thông tư này thay thế Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.
3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới.

Điều 43. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan và người đứng đầu các cơ sở giáo dục phổ thông công lập chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Như Điều 43;
- Công báo;
- Cục Thông tin và Truyền thông Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, PC, NGCBQLGD (05b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phạm Ngọc Thưởng